

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2265/BTP-PLHSHC

V/v cung cấp thông tin về tình hình 03 năm
triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin do mình tạo ra (khoản 1 Điều 9); quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (điểm g khoản 1 Điều 35); Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này (khoản 4 Điều 35).

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin quy định "*Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, báo cáo định kỳ 03 năm hoặc đột xuất với Bộ Tư pháp*".

Để có cơ sở tổng hợp tình hình cung cấp thông tin báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sau 03 năm triển khai thi hành Luật, Bộ Tư pháp đề nghị Quý cơ quan cung cấp thông tin về tình hình thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP trong thời gian qua (*theo mẫu Báo cáo gửi kèm theo*) và gửi về Bộ Tư pháp **trước ngày 15/8/2021**.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Đ/c Hoàng Thanh Thảo, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp, điện thoại: 024.62739413.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan.

Noi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PLHSHC (2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG



Đặng Hoàng Oanh

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH 03 NĂM TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Từ 01/7/2018 đến hết 30/6/2021

(Kèm theo Công văn số 12.65./BTP-PLHSHC ngày 12./7./2021
của Bộ Tư pháp)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa bàn quản lý (nêu rõ số lượng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến như: tổ chức hội nghị quán triệt/tập huấn; biên soạn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, án phẩm,...).

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền.

3. Kết quả tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng cung cấp thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình (hình thức, số lượng tập huấn).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Kết quả chung

1.1. Về các thông tin được công khai (loại thông tin được công khai, hình thức, thời điểm công khai...).

1.2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (hình thức cung cấp thông tin; thời gian cung cấp thông tin; việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; việc xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác (nếu có)...).

1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin (như bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu...).

1.4. Về việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin (bố trí cán bộ đầu mối ở bộ phận nào của cơ quan, hoạt động chuyên trách hay kiêm nhiệm); lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu.

1.5. Về việc ban hành và công bố công khai Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin (thời điểm ban hành, công khai và kết quả triển khai thực hiện).

1.6. Về việc vận hành Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin (xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình); việc duy trì, lưu giữ, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu và kết nối cơ sở dữ liệu với Chuyên mục về tiếp cận thông tin.

1.7. Về việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (thời điểm lập, mức độ cập nhật).

1.8. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu rõ các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi và phù hợp với khả năng tiếp cận của người khuyết tật; việc bố trí thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của người yêu cầu cung cấp thông tin; việc bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin...).

1.9. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu cụ thể các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với các đối tượng và điều kiện tại các khu vực này; việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin tại các khu vực này...).

1.10. Về chi phí tiếp cận thông tin (việc tuân thủ các quy định pháp luật về chi phí tiếp cận thông tin; ban hành văn bản hướng dẫn (nếu có)...).

1.11. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin (số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết (nếu có)) và việc xử lý vi phạm (nếu có).

2. Kết quả cung cấp thông tin

2.1. Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin nhận được:....., trong đó:

a) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin

b) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại các luật khác (ghi rõ theo quy định tại luật nào)

c) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (nếu có)

d) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin của người nước ngoài

đ) Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin (ghi rõ số lượng đối với từng hình thức)

- Trực tiếp tại trụ sở
- Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.
- e) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ
- g) Số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin (ghi rõ lý do)

2.2. Số lượng cung cấp thông tin theo yêu cầu: , trong đó:

- a) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đất đai
- b) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực y tế
- c) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực giáo dục
- d) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở
- d) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh
- e) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân sách
- g) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường
- h) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khoa học và công nghệ
- i) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tư pháp
- k) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực nội vụ
- l) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khác.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Đánh giá chung
2. Thuận lợi
3. Khó khăn, vướng mắc
4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc
 - Về nhận thức của các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin
 - Về công tác chỉ đạo, điều hành
 - Về quy định của pháp luật
 - Về vấn đề khác

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tư pháp...).

- Phạm vi chủ thể cung cấp thông tin đã phù hợp hay chưa? Có cần mở rộng đến các tổ chức có sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước, các quỹ... hay không?

- Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu đã phù hợp hay chưa? Việc quy định yêu cầu cung cấp thông tin qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp có cần thiết và phù hợp không?

- Về các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật (cơ sở vật chất, cán bộ làm đầu mối cung cấp thông tin...) ở từng cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) đã đáp ứng yêu cầu hay chưa?

2. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin (các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của Luật).

3. Đề xuất, kiến nghị khác.

Ghi chú:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổng hợp, báo cáo tình hình cung cấp thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý (bao gồm cả thông tin do các cơ quan trong hệ thống ngành dọc cung cấp).

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo tình hình cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố (trừ các cơ quan thuộc hệ thống ngành dọc của Bộ, ngành có trụ sở tại địa phương), gồm:

+ Thông tin do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin.

+ Thông tin do Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin.

+ Thông tin do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin.

+ Thông tin do Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin.

- Việc công dân yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính (trích lục bản sao giấy khai sinh, làm phiếu lý lịch tư pháp...) không liệt kê vào báo cáo.

